

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Trọng N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Hồ Trọng N trình bày tại biên bản hòa giải ngày 04/02/2021:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thanh H chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Anh yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Hồ Mỹ X, sinh ngày 29/4/2013 và Hồ Minh N, sinh ngày 24/11/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Đối với cháu X có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh xác định không có.

Chị Nguyễn Thanh H trình bày tại biên bản hòa giải ngày 04/02/2021:

Về hôn nhân: Chị thống nhất lời trình bày của anh N về thời gian chung sống, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Chị xác định anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Cách đây khoảng 06 tháng anh chị có cự cãi do chị thấy anh N nhắn tin với người khác phái, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, chị cũng đã đưa ra biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn cương quyết ly hôn. Thời gian gần đây, chị biết được anh N có quan hệ với người khác phái. Chị xác định còn tình cảm với anh N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác định có 02 người con chung như anh N trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi hai con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có.

Tại phiên tòa,

Anh Hồ Trọng N trình bày: Trong quá trình chung sống, anh đã nhiều lần thấy chị H nhắn tin với người khác phái nên dẫn đến không còn có sự tin tưởng chị H, khi anh chị phát sinh mâu thuẫn gia đình đã hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh xác định không còn tình cảm với chị H và cương quyết yêu cầu ly hôn chị H.

Chị Nguyễn Thanh H trình bày: Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ với người khác phái, sau khi anh N khởi kiện ly hôn chị cũng đã đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn cương quyết ly hôn. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh N, chị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo anh N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ với người khác phái dẫn đến anh N yêu cầu ly hôn. Xét thấy, anh N, chị H trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh chị đã ly thân đến nay khoảng 08 tháng, chị H và gia đình đã đưa ra nhiều biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn cương quyết ly hôn, tại phiên tòa chị H đồng ý ly hôn anh N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh N được ly hôn chị H.

[2] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, đối với cháu X có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy: Anh N, chị H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con và đều có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con theo quy định pháp luật. Theo biên bản ghi nguyện vọng con chung thể hiện cháu X có nguyện vọng sống chung với chị H, đối

với cháu N từ khi sinh ra đến nay sống chung bên nội ở ấp TLA, xã TT, cuộc sống đã ổn định. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu X cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ: Anh N và chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Hồ Trọng N, cho anh Hồ Trọng N được ly hôn chị Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Mỹ X, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Nguyễn Thanh H nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Minh N, sinh ngày 24/11/2015 cho anh Hồ Trọng N nuôi dưỡng.

Anh Hồ Trọng N và chị Nguyễn Thanh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Hồ Trọng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011740 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Hồ Trọng N và chị Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã NH;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng